TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**135**/2022/KDTM-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Phạm Quang Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 5/2022/KTST ngày 25 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 592/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 709/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Q;
Trụ sở chính: Số 21 C, Đ, Thành phố N.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1992; Chức vụ: Chuyên viên Pháp chế; Địa chỉ liên lạc: số 259 đường T, phường C, Quận M, Thành phố H. *(Giấy ủy quyền số 213/UQ-MB-HS ngày 18/01/2021).*

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần Sắt thép Đ
Trụ sở: Lô III-9B Khu công nghiệp T, đường số 12, phường T, quận T, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thất T, sinh năm 1947; Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ liên lạc: số 10/1/1 đường Đ, Phường 10, quận P, Thành phố H.

(Ông K và ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận T, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q do ông Nguyễn Tuấn K là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* và Công ty cổ phần Sắt thép Đ *(sau đây gọi tắt là Công ty Đ)* đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn

mức số 230.10.APU/HM.23/167807.01 ngày 28/5/2010 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 230.10.APU/HM.23/167807.01/PL01 ngày 01/6/2010 với mục đích bổ sung vốn lưu động để thực hiện hoạt động kinh doanh thép không gỉ (inox các loại) năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ nhiều lần với tổng số tiền là 886.407,85 USD và 129.487.235.370 đồng theo 63 khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

STT	Số Khế ước	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Số tiền giải ngân		Lãi suất thời điểm giải ngân
				USD	VND	
1	LD1028400377	11/10/2010	11/04/2011		3.680.025.360	14,9%
2	LD1029300136	20/10/2010	20/04/2011		3.600.115.200	14,9%
3	LD1029300319	20/10/2010	20/04/2011		3.440.004.920	14,9%
4	LD1029400148	21/10/2010	21/04/2011		4.398.688.000	14,7%
5	LD1029800292	25/10/2020	25/04/2021		3.561.212.160	14,7%
6	LD1030000007	27/10/2010	27/04/2011		4.200.000.000	14,7%
7	LD1030100413	28/10/2010	28/04/2011		1.700.000.000	14,7%
8	LD1030500263	01/11/2010	03/05/2011		1.184.439.750	14,7%
9	LD1030600333	02/11/2010	03/05/2011		1.000.000.000	14,7%
10	LD1032300369	19/11/2010	19/05/2011		2.099.000.000	15,9%
11	LD1032700376	23/11/2010	23/05/2011		4.499.988.000	15,9%
12	LD1032800158	24/11/2010	24/05/2011	68.454,50		7,6%
13	LD1033000325	26/11/2010	26/05/2011		4.896.026.080	15,9%
14	LD1033000340	26/11/2010	26/05/2011		4.919.904.000	15,9%
15	LD1033400443	30/11/2010	31/05/2011		4.985.973.120	15,9%
16	LD1033700117	03/12/2010	31/12/2010	49.293,65		7,6%
17	LD1034800243	14/12/2010	13/06/2011		3.473.923.200	17,9%
18	LD1034900215	15/12/2010	14/06/2011		3.680.899.200	17,9%
19	LD1035100355	17/12/2010	16/06/2011		1.960.488.660	17,9%
20	LD1035100365	17/12/2010	16/06/2011		846.348.750	17,9%
21	LD1035400234	20/12/2010	20/06/2011		1.622.057.970	17,9%
22	LD1035500101	21/12/2010	20/06/2011		2.816.000.000	17,9%
23	LD1035600315	22/12/2010	21/06/2011		3.999.980.600	17,9%
24	LD1035600318	22/12/2010	21/06/2011		2.950.041.600	17,9%
25	LD1035800350	24/12/2010	23/06/2011		4.145.680.000	17,9%
26	LD1035800352	24/12/2010	23/06/2011		3.802.145.600	17,9%
27	LD1035800376	24/12/2010	23/06/2011		1.300.000.000	17,9%
28	LD1036200301	28/12/2010	27/06/2011		2.000.000.000	17,9%
29	LD1036500216	31/12/2010	29/06/2011		3.814.096.000	17,9%
30	LD1100400204	04/01/2011	03/04/2011	106.012,00		6,0%
31	LD1100500267	05/01/2011	04/07/2011		3.999.723.200	17,9%
32	LD1100500282	05/01/2011	04/07/2011		3.996.080.000	17,9%
33	LD1100700257	07/01/2011	06/07/2011		3.800.061.000	17,9%
34	LD1101100323	11/01/2011	10/07/2011		1.750.067.000	17,9%
35	LD1101200305	12/01/2011	31/03/2011	112.392,00		8,0%
36	LD1101400373	14/01/2011	13/07/2011		2.607.651.200	17,9%

37	LD1101400375	14/01/2011	13/07/2011		2.543.428.800	17,9%
38	LD1101800289	18/01/2011	17/07/2011	31.996,80		8,2%
39	LD1101900259	19/01/2011	18/04/2011	21.213,44		8,2%
40	LD1102100239	21/01/2011	20/07/2011		3.200.000.000	17,9%
41	LD1102500239	25/01/2011	24/04/2011	30.190,88		8,2%
42	LD1102500250	25/01/2011	24/04/2011	97.237,50		8,2%
43	LD1104200263	11/02/2011	10/08/2011		1.669.000.000	17,9%
44	LD1105500360	24/02/2011	23/08/2011		2.310.651.200	17,9%
45	LD1106600319	07/03/2011	09/06/2011		1.033.249.800	17,9%
46	LD1106700357	08/03/2011	07/09/2011		1.000.681.000	17,9%
47	LD1106800283	09/03/2011	08/09/2011		1.000.506.000	17,9%
48	LD1107000380	11/03/2011	11/09/2011		1.021.181.000	17,9%
49	LD1107400449	15/03/2011	14/09/2011		1.610.984.000	17,9%
50	LD1107500354	16/03/2011	15/09/2011		1.015.862.000	17,9%
51	LD1107600377	17/03/2011	16/09/2011		2.295.011.000	17,9%
52	LD1107700400	18/03/2011	18/09/2011		1.531.378.000	17,9%
53	LD1108100275	22/03/2011	21/09/2011		2.000.320.000	17,9%
54	LD1108200156	23/03/2011	22/09/2011		3.000.000.000	17,9%
55	LD1108300346	24/03/2011	25/09/2011		1.002.272.000	17,9%
56	LD1108400261	25/03/2011	25/09/2011		1.005.710.000	17,9%
57	LD1108900301	30/03/2011	24/06/2011	34.392,60		9,4%
58	LD1111000227	20/04/2011	30/06/2011	67.540,50		6,7%
59	LD1111000234	20/04/2011	30/06/2011		817.622.000	18,5%
60	LD1111500205	25/04/2011	25/10/2011		698.758.000	19,2%
61	LD1111900280	29/04/2011	31/10/2011	47.916,90		6,7%
62	LD1113000293	10/05/2011	10/09/2011	75.087,90		6,7%
63	LD1118600341	05/07/2011	05/01/2012	144.679,22		7,2%
Tổng cộng				**886.407,85**	**129.487.235.370**	

Để đảm bảo cho các khoản tín dụng trên, Ngân hàng và Công ty Đ đã ký kết các Hợp đồng thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô III-9B, đường Số 12, Khu công nghiệp T, phường T, quận T thuộc sở hữu của Công ty Đ;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô D.01, đường Trung Tâm, Khu công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh L thuộc sở hữu của Công ty Đ;

- Hàng tồn kho là thép không rỉ các dạng cuộn, dây, cây tại kho của khách hàng và khoản phải thu.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở nhưng Công ty Đ không có thiện chí. Tại biên bản làm việc ngày 20/05/2011 và biên bản làm việc ngày 07/5/2011 có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu của Công ty Đ xác nhận dư nợ tại Ngân hàng.

Sau khi khách hàng phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng và Công ty Đ đã thương lượng, thỏa thuận về việc xử lý tài sản bảo đảm và thu hồi được 76.304.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô III-9B, đường Số 12, Khu công nghiệp T, phường T, quận T và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô D.01, đường Trung Tâm, Khu công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh L thông qua hình thức chuyển nhượng cổ phần của Công ty Đ thu được 66.900.000.000 đồng;

- Hàng tồn kho là thép không rỉ các dạng cuộn, dây, cây tại kho của khách hàng: 6.881.000.000 đồng và khoản phải thu 2.523.000.000 đồng.

Do đó khoản vay của Công ty Đ tại Ngân hàng đã không còn tài sản đảm bảo.

Tổng số tiền Công ty Đ đã trả được cho Ngân hàng là:

- VNĐ: 78.977.538.421 đồng (bao gồm 73.436.973.281 đồng tiền nợ gốc và 5.540.565.140 đồng tiền nợ lãi).

- USD: 5.994,04 USD tiền nợ lãi.

Tính đến ngày 23/9/2022, Công ty Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 290.302.153.676 đồng *(Hai trăm chín mươi tỷ ba trăm lẻ hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng)*. Trong đó:

- VNĐ: nợ gốc là 56.050.262.089 đồng và nợ lãi là 191.025.873.581 đồng. Tổng cộng là 247.076.135.670 đồng.

- USD: nợ gốc là 886.407,85 USD và nợ lãi là 927.524,92 USD. Tổng cộng là 1.813.932,77 USD. Tổng giá trị dư nợ quy đổi thành Việt Nam đồng là 43.226.018.005 đồng *(theo tỷ giá 23.830 đồng do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố ngày 21/9/2022)*. Trong đó: nợ gốc là 21.123.099.066 đồng và nợ lãi là 22.102.918.844 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề:

1. Buộc Công ty Đ phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2022 là: 290.302.153.676 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 77.173.361.155 đồng;

- Nợ lãi là 213.128.792.521 đồng.

2. Và các khoản tiền lãi phát sinh tính trên khoản nợ kể từ ngày 24/9/2022 cho đến ngày Công ty Đ thanh toán đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Đ do ông Tôn Thất T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty Đ đã chuyển nhượng, bàn giao toàn bộ tài sản, hàng hóa cho Ngân hàng. Toàn bộ đất đai, nhà xưởng tại địa chỉ cũ đều đã được chuyển nhượng cho Ngân hàng. Việc bàn giao và chuyển nhượng tài sản đã hoàn thành năm 2014 và kể từ thời điểm 2014 tới nay Công ty Đ không còn bất kỳ tài sản gì. Công ty Đ bị Ngân hàng đưa vào diện nợ xấu, Cục thuế Thành phố H đã thu hồi không cho xuất hóa đơn tài chính, do đó Công ty Đ không thể vay vốn. Trên thực tế Công ty Đ không còn vốn, không còn tài sản, không còn nhân viên kể từ năm 2014. Do đó Công ty Đ không thể thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng (do ông Nguyễn Tuấn K là người đại diện theo ủy quyền) trình bày vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty Đ phải có trách nhiệm thanh toán ngay số nợ tính đến ngày 23/9/2022 theo Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký là 290.302.153.676 đồng *(Hai trăm chín mươi tỷ ba trăm lẻ hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng).* Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Công ty Đ phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tính trên khoản nợ kể từ ngày 24/9/2022 cho đến ngày Công ty Đ thanh toán đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

- Bị đơn Công ty Đ (do ông Tôn Thất T là người đại diện theo pháp luật) trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu là Công ty Đ đã không còn vốn, không còn tài sản nên không thể thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 122, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 230.10.APU/HM.23/167807.01 ngày 28/5/2010; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 230.10.APU/HM.23/167807.01/PL01 ngày 01/6/2010 và các Khế ước nhận nợ kèm theo với mục đích bổ sung vốn lưu động để thực hiện hoạt động kinh doanh. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn nợ theo nội dung Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết nên xét đây là vụ án thuộc về tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại Lô III-9B Khu công nghiệp T, đường số 12, phường T, quận T, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân quận T có thẩm quyền giải quyết vụ án.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 230.10.APU/HM.23/167807.01 ngày 28/5/2010, Phụ lục Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 230.10.APU/HM.23/167807.01 ngày 28/5/2010; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 230.10.APU/HM.23/167807.01/PL01 ngày 01/6/2010 và 63 Khế ước nhận nợ Công ty Đ đã ký với Ngân hàng, được các bên xác nhận tại phiên tòa thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/9/2022 là 290.302.153.676 đồng (trong đó nợ gốc là 77.173.361.155 đồng, nợ lãi là 213.128.792.521 đồng).

Về nợ gốc: Xét thấy, sau khi ký kết Hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân nhiều lần cho bị đơn với số tiền 886.407,85 USD và 129.487.235.370 đồng. Bị đơn cũng đã thanh toán được cho nguyên đơn số tiền 5.994,04 USD và 2.673.538.421 đồng. Năm 2014 giữa hai bên đã thống nhất xử lý tài sản đảm bảo và thu hồi được số tiền 76.304.000.000 đồng để cấn trừ nợ. Hiện dư nợ gốc là 56.050.262.089 đồng và 886.407,85 USD (tương đương 21.123.099.066 đồng, theo tỷ giá 23.830 đồng do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố ngày 21/9/2022). Tổng dư nợ gốc là 77.173.361.155 đồng. Xét nguyên đơn yêu cầu tính theo tỷ giá 23.830 đồng, thấp hơn so với tỷ giá đồng USD do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố ngày 23/9/2022 là 23.845 đồng, do đó có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn tính theo tỷ giá 23.830 đồng.

Theo thỏa thuận, bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ cho nguyên đơn khi đến thời hạn đáo hạn. Tuy nhiên, bị đơn đã liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ và mất khả năng thanh toán nợ nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận T.

Bị đơn xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ với nguyên đơn như đại diện nguyên đơn đã trình bày, xác nhận các bên đã tự thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Bị đơn không có ý kiến gì về số nợ còn lại đối với nguyên đơn nhưng không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn vì lý do hiện nay bị đơn đã không còn hoạt động, không có doanh thu và cũng không còn tài sản gì đảm bảo cho số nợ đã vay nên không thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn có cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng tín dụng. Hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc chưa thanh toán là 77.173.361.155 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 77.173.361.155 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"* nên có cơ sở chấp nhận.

Về nợ lãi: Xét tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn trong từng Khế ước nhận nợ được giải ngân. Theo thỏa thuận, bị đơn có trách nhiệm trả tiền lãi cho nguyên đơn khi đến thời hạn đáo hạn. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị

đơn trả số tiền lãi là 213.128.792.521 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 305, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Về thời hạn thanh toán: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc và lãi là 290.302.153.676 đồng (trong đó nợ gốc là 77.173.361.155 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/9/2022 là 213.128.792.521 đồng) một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 178, Điều 196, Điều 208, khoản 2 Điều 220, khoản 3 Điều 233, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 122, Điều 305, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí. lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Về trách nhiệm thanh toán: Buộc bị đơn Công ty cổ phần Sắt thép Đ có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 230.10.APU/HM.23/167807.01 ngày 28/5/2010 và 63 Khế ước nhận nợ kèm theo, tính đến ngày 23/9/2022 là 290.302.153.676 đồng

(Hai trăm chín mươi tỷ ba trăm lẻ hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng). Trong đó:

- Nợ gốc là 77.173.361.155 đồng *(Bảy mươi bảy tỷ một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm năm mươi lăm đồng)*. Bao gồm:

- Nợ lãi là 213.128.792.521 đồng *(Hai trăm mười ba tỷ một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng)*

Về phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần toàn bộ số nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/9/2022, Công ty cổ phần Sắt thép Đ tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của thì lãi suất mà Công ty cổ phần Sắt thép Đ phải chịu cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần Sắt thép Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 398.302.154 đồng *(Ba trăm chín mươi tám triệu ba trăm lẻ hai nghìn một trăm năm mươi bốn đồng)*.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 185.523.712 đồng *(Một trăm tám mươi lăm triệu năm trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm mười hai đồng)* đã nộp theo Biên lai thu số 0034964 ngày 25/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Địa điểm thi hành:

Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và Công ty cổ phần Sắt thép Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án. quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Thùy Trang